

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH SƠN

### THUYẾT MINH DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

Giám đốc Công ty CP xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn ("Công Ty") trình Hội đồng quản trị xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trình Đại Hội Cổ Đông thông qua. Trong đó các điều khoản dưới đây được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về mô hình quản trị Công ty cổ phần theo Luật Doanh Nghiệp năm 2020:

- Điều 01. Giải thích thuật ngữ;
- Điều 11. Quyền của cổ đông;
- Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông;
- Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông;
- Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;
- Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông;
- Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị;
- Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

STT	Sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Căn cứ áp dụng
1.	<b>Giải thích thuật ngữ</b>	<b>Điều 01: Giải thích thuật ngữ</b> Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp <b>ngày 26 tháng 11 năm 2014;</b> m. "Tiểu ban kiểm toán" có nghĩa là	<b>Điều 01: Giải thích thuật ngữ</b> Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp <b>ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b> m. "Ủy ban kiểm toán" có nghĩa là	Sửa đổi căn cứ áp dụng phù hợp với các Điều luật đang có hiệu lực thi hành: - Luật doanh nghiệp số <b>59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;</b>

		Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại <b>Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp.</b>	Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại <b>Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp.</b>	
<b>2.</b>	<b>Quyền của cổ đông</b>	<p><b>Điều 11 Quyền của cổ đông:</b></p> <p>“ 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường</p>	<p><b>Điều 11 Quyền của cổ đông:</b></p> <p>“ 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b>sở hữu từ 05%</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</li> <li>- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</li> <li>- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ,</li> </ul>	<p>Theo quy định tại Điều 115. Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi, bổ sung về điều kiện của cổ đông, nhóm cổ đông thiểu số: "<i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty</i>" (Khoản 2 Điều 115). Bãi bỏ điều kiện sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng; đồng thời giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông <b>từ 10% xuống còn 05%</b>.</p> <p>Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi, bổ sung quy định về quyền của cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông (hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ quy định): <i>Bổ sung quyền xem xét, tra cứu, trích lục hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty (Điểm a Khoản 2 Điều 115).</i></p> <p><i>Sửa đổi, bổ sung trường hợp cổ đông/ nhóm cổ đông thiểu số có quyền triệu tập</i></p>

		<p>trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Tiểu ban Kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS.</p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông: <b>Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao</b>; Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty (<b>bỏ trường hợp tại Điểm b Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp năm 2014: “Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế”</b>).</p> <p>Cần lưu ý là Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên không có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Tuy nhiên, cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên thì có quyền này.</p>
--	--	---	---	--

3.	<b>Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<p><b>Điều 12: Nghĩa vụ cổ đông:</b></p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p><b>Điều 12: Nghĩa vụ cổ đông:</b></p> <p>5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>- Thay thế Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông bằng Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về nghĩa vụ của cổ đông.</p> <p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020, bổ sung thêm nghĩa vụ: "<b><i>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác</i></b>" (Khoản 5).</p>
4.	<b>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội</b>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>"2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>Quy định chi tiết quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông:</p> <p><i>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; Quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của</i></p>

	<b>đồng cổ đông</b>	... d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập (nếu cần); ... f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; ...	... d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; ... f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; ...	<i>công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị phù hợp với điểm k, l, m Điều 138 Quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ Luật doanh nghiệp năm 2020.'</i>
<b>5.</b>	<b>Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:</b> "3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các	<b>Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:</b> "3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông	Theo quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp năm 2020 đã kéo dài thời gian mời họp ĐHCĐ để dự họp ĐHCĐ, <b>chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.</b> Các tài liệu gửi kèm thông báo mời họp cũng bỏ quy định " <b>mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</b> ".

	<p>cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền <b>dự họp chậm nhất (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông</b> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại Hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội Đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên;</li> <li>Phiếu biểu quyết;</li> <li><b>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</b></li> <li>Dự thảo Nghị Quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</li> </ol>	<p>trong danh sách cổ đông có quyền <b>dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông</b> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>Chương trình họp Đại hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại Hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội Đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên;</li> <li>Phiếu biểu quyết;</li> <li>Dự thảo Nghị Quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</li> </ol>	
--	---	--	--

<p><b>6.</b></p>	<p><b>Triệu tập họp, Chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ</b></p>	<p><b>Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ:</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định <b>tại khoản 03 Điều 11 Điều lệ</b> này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p><b>5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 04 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</b></p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không</p>	<p><b>Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ:</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ <b>đông sở hữu từ 0,5%</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 04 Điều này <b>chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn</b></p>	<p>Theo quy định tại Điều 115. Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã bãi bỏ điều kiện sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng; đồng thời giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông <b>từ 10% xuống còn 0,5%.</b></p> <p>Điều Lệ cũng phải quy định về thời hạn từ chối kiến nghị của cổ đông bằng văn bản <b>"chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do"</b> (Khoản 03 Điều 142 Luật Doanh nghiệp năm 2020);</p> <p>Sửa đổi trường hợp từ chối kiến nghị cổ đông bằng văn bản: <b>cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên xuống còn 0,5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, không bắt buộc phải sở hữu trong thời hạn 06 tháng</b> có quyền kiến nghị bằng văn bản.. (Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020)</p>
------------------	--	--	---	--

		<p>đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông <b>không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</b> theo quy định tại khoản 03 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này;</p>	<p><b>bản và nêu rõ lý do.</b> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không <b>sở hữu từ 0,5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</b> theo quy định tại khoản 03 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này;</p>	
--	--	---	---	--



7.	<b>Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b>	<b>Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</b> "1. Cuộc họp Đại hội Đồng cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết."	<b>Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:</b> "1. Cuộc họp Đại hội Đồng cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>trên 50%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết."	Theo quy định tại Khoản 01, Điều 145. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp năm 2020: " 1. <i>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự <b>họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết</b>; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định</i> ". Luật doanh nghiệp đã thay đổi quy định điều kiện để cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất từ 51% xuống còn 50%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
8.	<b>Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông</b>	<b>Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</b> " 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại Hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua <b>khi có từ 51% trở lên</b> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn của Công ty;	<b>Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</b> " 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại Hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua <b>khi có từ 50% trở lên</b> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn của Công ty;	Theo quy định tại khoản 02 Điều 148, Luật doanh nghiệp năm 2020 Điều kiện để Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông được thông qua thì ngoài những trường hợp quy định cụ thể, các Nghị Quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành. Ngoài ra Luật doanh nghiệp năm 2014 còn bổ sung thêm quy định Các quyết định của ĐHĐCĐ có liên quan đến <b>loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty</b> được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu

	<p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện <b>có giá trị từ 35%</b> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội cổ đông.”</p>	<p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến <b>loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</b> Tổ chức lại, giải thể công ty; sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội cổ đông.”</p>	<p>các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội cổ đông.</p>
--	---	--	--

9.	<b>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>	<p><b>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b>ít nhất 51%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị Quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông."</p>	<p><b>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b>ít nhất 50%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị Quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông."</p>	<p>Theo quy định tại khoản 04 Điều 148 Luật doanh nghiệp năm 2020 giảm tỉ lệ để Nghị Quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu <b>ít nhất 51%</b> theo Luật doanh nghiệp năm 2014 giảm xuống <b>ít nhất 50%</b> theo Luật Doanh nghiệp năm 2020:</p> <p><i>"4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu <b>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</b>"</i></p>
10.	<b>Nhiệm kỳ thành viên HĐQT</b>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</b></p> <p>" 1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là ba (03) người và tối đa là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế"</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</b></p> <p>" 1. Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu là ba (03) người và tối đa là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</b>"</p> <p>3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng</p>	<p>Khoản 2 Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: "<i>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i>"</p> <p>Tuy nhiên Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá</p>

		<p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.”</p>	<p>quản trị</p> <p>3.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 3.1 và khoản 3.2 Điều này.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>- Điều lệ nên quy định chi tiết các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT theo Điều 160 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>
--	--	---	--	---

			<p>bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp năm 2020;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty."</p>	
<b>11.</b>	<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	<p><b>Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị:</b></p> <p>" 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch."</p>	<p><b>Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị:</b></p> <p>"1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị."</p>	<p>Theo quy định tại khoản 01, Điều 156 Luật doanh nghiệp năm 2020: "<i>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị</i>".</p> <p>Điều luật quy định cụ thể, chi tiết hơn. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT, bỏ quy định do Đại Hội đồng Cổ đông lựa chọn...</p>

12.	Ủy ban kiểm toán nội bộ	<p><b>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị thành lập <b>tiểu ban kiểm toán nội bộ</b>; tiểu ban nghiên cứu đầu tư. Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của <b>Tiểu ban kiểm toán nội bộ</b>:</p> <p>7.1 Cơ cấu tổ chức của <b>Tiểu ban kiểm toán nội bộ</b>: Phần lớn thành viên của <b>Tiểu ban kiểm toán nội bộ</b> làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của <b>Tiểu Ban Kiểm Toán</b> sẽ được quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty.</p> <p>7.2 Ít nhất một (01) thành viên của <b>Tiểu ban kiểm toán nội bộ</b> có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>7.3 <b>Tiểu ban kiểm toán nội bộ</b></p>	<p><b>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị thành lập <b>Ủy ban kiểm toán</b>; tiểu ban nghiên cứu đầu tư. Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của <b>Ủy ban kiểm toán</b> :</p> <p>7.1. Vị trí, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán: là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>7.2. Thông qua quyết định của Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có</p>	<p><b>Điều 137. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần Luật doanh nghiệp năm 2020:</b></p> <p>"1. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;</p> <p><b>b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành."</b></p> <p>VISO đang hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và</p>
-----	-------------------------	---	--	---

	<p>có quyền hạn và trách nhiệm dưới đây:</p> <p>a. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, <b>Tiểu Ban Kiểm Toán nội bộ</b> phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán nội bộ quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;</p> <p><b>7.4 Tiểu Ban Kiểm Toán nội bộ</b> được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>7.5 Tổng Giám đốc và Người Điều Hành Doanh Nghiệp Khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của</p>	<p>một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p>7.3. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;</p> <p>b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;</p> <p>c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;</p>	<p>Giám đốc. Theo quy định trên Tiểu Ban kiểm toán nội bộ phải thay đổi tên gọi thành Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.</p> <p><b>Luật doanh nghiệp năm 2020 Bổ sung quy định về Ủy ban kiểm toán (Điều 161).</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vị trí, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán (<i>Khoản 1</i>).</li> <li>• Việc thông qua quyết định của Ủy ban kiểm toán (<i>Khoản 2</i>).</li> <li>• Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán (<i>Khoản 3</i>).</li> </ul>
--	--	---	---

		<p>Công Ty theo yêu cầu của <b>Tiểu Ban Kiểm Toán nội bộ.</b></p>	<p>đ. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;</p> <p>e. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;</p> <p>g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.</p>	
--	--	---	---	--